

## **Vũ Đức Nghiêm, Anh Tôi - *Vũ Trung Hiền***

### **Chương Hai - Vũ Đức Nghiêm, Thời Thơ Ấu**

Vũ Đức Nghiêm ra đời ngày 30 tháng 6, năm 1930 tại làng Hoàn Nha, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Dĩ nhiên, lúc anh chào đời, tôi còn ở mãi tận một thế giới nào khác, cho nên trong một lần anh về Pasadena thăm tôi, tôi đã phỏng vấn anh, và đây là cuộc nói chuyện giữa hai anh em tôi:

VTH: Thưa anh, kỷ niệm nào in đậm nhất trong tâm hồn anh, khi anh nghĩ đến thời thơ ấu của mình?

VDN: Từ lúc anh mới sinh, cho đến khi lên hai hay lên ba gì đó, bố chúng ta đi làm xa, cả năm mới về nhà một lần. Nhưng theo mẹ kể lại, thì dù cho từ khi mới sinh cho tới hồi lững chững biết đi, anh mới gặp bố lần đầu; nhưng lúc anh nhìn thấy bố ở ngoài ngõ bước vào, anh chạy tới ôm lấy bố ngay.

VTH: Như vậy, chắc hẳn hình ảnh mẹ chúng ta nổi bật hơn, và anh có nhiều kỷ niệm với mẹ hơn?

VDN: Có lẽ vậy. Nhưng anh cũng nhớ thật rõ kỷ niệm với ông bà nội mình. Những buổi chiều mùa Đông rét mướt, bà nội bế anh vào lòng, hát ru anh. Bà nội mặc áo kếp...

VTH: Anh vừa nói “áo kếp”?

VDN: Đúng vậy. Chũ này, có lẽ năm mươi năm nay, chưa thấy ai dùng! Áo kếp là một loại áo lót bông gồm nhiều lớp. Bà nội hay bế anh nằm võng, kéo vạt áo kếp ủ hai bàn chân anh. Mùa Đông miền Bắc lạnh lắm! Chắc chắn lúc ấy hai chân bàn chân anh phải tím ngắt rồi.

VTH: Thế còn kỷ niệm với mẹ?

VDN: Ngày ấy, bố đi làm ở Quảng Yên, Thái Bình; mẹ ở nhà quê, quán xuyến mọi việc ruộng vườn. Nhà mình có hàng trăm mẫu ruộng ở các làng xã lân cận như Địch Giáo, Duy Tắc, hay Hà Cát...

VTH: Như vậy, phải cho người ta cấy rế?

VDN: Đúng vậy, mỗi năm hai lần, mẹ đi thuyền của nhà, đến các nơi đó, thu thóc của những tá điền. Những lúc mẹ đi, anh thường được mẹ cho đi theo. Mẹ rộng rãi với những tá điền đó lắm, nên họ quý mến, tiếp đón mẹ và anh thật nồng hậu. Ngoài số thóc chia cho mình, họ còn chọn những hoa quả tươi ngon nhất trong vườn, và lựa những con cá mè thật lớn dưới ao, biếu mẹ...

VTH: Hình ảnh gì anh nhớ rõ nhất trong những lần đi theo mẹ?

VDN: Có lẽ hình ảnh đẹp nhất anh còn nhớ là những con sông đào êm ả, chảy giữa những cánh đồng lúa chín, nặng trĩu những bông lúa vàng, rực rỡ trong ánh nắng chiều. Anh cũng nhớ rõ mùi thơm lừng của những con muỗm nướng...

VTH: Thích quá nhỉ! Con muỗm. Có phải nó giống như con cào cào? Ở đâu mà anh có những con muỗm này?

VDN: Em nói gần đúng. Con muỗm dài như con cào cào, nhưng thân mình nó nhỏ hơn. Các anh thợ gặt bắt muỗm trong ruộng lúa. Họ đốt rơm, rồi chờ lửa rơm tắt, nướng muỗm trên tàn lửa đỏ. Muỗm ăn lúa, nên thịt muỗm bùi, và thơm ngon lắm!...

VTH: Và họ cho anh ăn ?

VDN: Dĩ nhiên rồi. Họ quý mến mẹ, nên chiều anh lắm! Thấy anh thích ăn, họ còn nhường cho anh nữa! Anh chắc chắn, mùi thơm và vị ngon của muỗm nướng vượt xa tôm càng nướng. Và ăn dứt cả tôm hùm luôn!

VTH: Rồi đến khi nào anh mới đi học?

VDN: Năm tuổi, anh bắt đầu đi học trường làng.

VTH: Anh có kỷ niệm gì về thầy giáo hay bạn bè của anh không?

VDN: Ông thầy rất ít khi để ý đến anh. Ông ta ngồi yên trên bàn, rất xa chỗ anh ngồi, ở cuối lớp. Việc dạy vỡ lòng cho anh, ông thầy nhờ mấy anh học sinh lớn đang học lớp nhì lớp nhất. Mấy anh này có lẽ cũng đã mười lăm mười sáu tuổi rồi. Họ cuốn lá chuối lại, nhét thuốc vào, hút ngay trong lớp.

VTH: Như vậy, lớp học này gồm nhiều trình độ?

VDN: Đúng thế, trong lớp có khoảng vài ba chục học trò, từ vỡ lòng đến lớp nhất. Bây giờ, kỷ niệm của anh về những ngày đầu tiên đi học này chỉ là mùi khói thuốc vào nồng nặc cuối lớp, mùi ẩm thấp của phòng học không có cửa sổ, và tiếng roi mây ông thầy quát đen đét trên bàn để giữ trật tự trong lớp thôi.

VTH: Lớp học là nhà ông thầy?

VDN: Không. Đây là căn phòng ở ngoài đình làng.

VTH: Anh có thu thập được điều gì trong lớp không?

VDN: Dĩ nhiên là có chứ ! Anh phải học thuộc lòng những vần căn bản như “i đi học, u đánh đu, a quả na, ă cái khăn”. Nhưng nhớ nhất là bài “Năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không chơi đùa lêu lổng như những năm còn bé...”

VTH: À, bài này trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư, lớp Đồng Ấu. Đến thời em đi học, cũng phải học bài này. Rồi anh học mấy năm ở trường làng?

VDN: Chỉ khoảng một năm thôi. Lúc anh lên sáu, mẹ cho anh đi Thái Bình, ở với bố. Hồi ấy, bố đang làm việc ở Tòa Sứ. Căn nhà bố thuê ở số 25, phố Miribel, gần nhà thờ Công Giáo. Cách đó mấy căn, là nhà ông Đốc Năm. Nhà ông ấy có sân rộng, các sói con trong đoàn hướng đạo thường đến đó tập hát.

VTH: Ngoài anh ra, còn anh nào ở đó với bố không?

VDN: Có chứ. Có anh Chang, anh cả chúng ta; rồi cậu Thiệu, cậu Thuật, em của mẹ, chú Ngọc, em của bố, anh Lý và anh Khánh, con bác Lục.

VTH: Lúc ấy, bố mình mới ba mươi tuổi thôi, mà trách nhiệm nặng nhĩ?

VDN: Ừ, bố sống gương mẫu, và khắc khổ lắm. Bố theo đúng lời Kinh Thánh dạy, trong sách Châm Ngôn, nên trừ hai cậu chúng ta, lúc ấy khoảng mười lăm mười sáu, không bị ăn roi; còn thì từ chú Ngọc xuống đến anh, ai cũng bị bố đánh đòn hết!

VTH: Anh muốn nhắc đến câu nào trong Châm Ngôn?

VDN: Thì câu “Người nào kiêng roi vọt, ghét con trai mình. Song ai thương con, ắt cần lo sửa trị nó.” Cho nên bọn anh, ai cũng nể sợ bố hết.

VTH: Sinh hoạt mỗi ngày của anh lúc ấy như thế nào?

VDN: Sáng sớm, bố đánh thức cả nhà, rồi bố dẫn đầu cho tất cả mọi người, kể cả anh là đứa bé nhất, chạy dọc theo hè phố Jules Piquet, đến tận chân cầu Bo, để tập thể dục. Chạy được nửa đường, bọn anh lười biếng, bảo nhau núp vào mái hiên tránh lạnh. Bố ngoảnh lại, không thấy ai, chạy vòng lại tìm, khiến cho cả bọn phải ùa ra, chạy tiếp, y như một đàn vịt vậy!

VTH: Rồi sau đó, về nhà ăn sáng?

VDN: Bữa điểm tâm rất thanh đạm, thường chỉ là cháo đậu, ăn với đường. Bữa trưa và bữa tối cũng chỉ lấy rau đậu làm chuẩn thôi.

VTH: Thời ấy ở Thái Bình có bán mấy món điểm tâm như bánh mì, xôi, hay phở không?

VDN: Có chứ, nhưng họa hoàn lắm, bố mới cho cả nhà dùng mấy thứ đó! Bố tin rằng tập cho con cái quen với cực khổ, thiếu thốn, khó khăn ngay từ lúc chúng còn bé, sẽ có lợi hơn cho các con khi chúng lớn lên.

VTH: Có khi nào mẹ từ nhà quê lên thăm bố và các anh không?

VDN: Mẹ bận trông coi ruộng vườn, nên thỉnh thoảng mới lên chơi ít hôm, rồi lại về. Những ngày mẹ ở đó thì thần tiên lắm ! Mẹ đem theo nhiều món ăn ngon ở quê nhà, và đi chợ nấu nướng những món đặc biệt cho cả nhà ăn ề hề.

VTH: Lúc ấy, mẹ đã sinh thêm anh Chính, anh Anh, và anh An rồi, phải không anh? Cho nên, mẹ đâu có thể bỏ các anh ấy ở nhà lâu được.

VDN: Phải rồi, ở nhà quê, tuy có mấy bà vú nuôi các anh ấy, nhưng mẹ không yên lòng được. Lúc mẹ về rồi, anh nhớ mẹ lắm. Buổi tối, anh thường ra ngoài cửa, nhìn về phía xa, khóc thầm. Mắt anh nhòe lệ, nên khi nhìn những ngọn đèn đường vàng vọt, anh có cảm tưởng đèn cũng khóc với mình.

VTH: Khi ở Thái Bình, anh theo học trường nào?

VDN: Bố cho anh học lớp năm, trường Cao Phong. Thầy anh trạc tuổi bố. Thầy mặc áo the thâm, quần trắng, đi guốc mộc. Trên vai thầy lúc nào cũng vắt chiếc khăn mặt màu đỏ.

VTH: Anh có nhớ kỷ niệm nào với thầy không?

VDN: Có một lần đi học, anh quên không mang theo lọ mực. Khi thầy cho chép bài, anh quay ra phía sau, chằm nhòe lọ mực của Tính, một bạn cùng lớp. Có lẽ, vì thấy anh không hỏi, mà tự nhiên chằm, Tính đâm thẳng vào mặt anh. Máu mũi anh chảy ra, nhỏ giọt trên vở. Anh khóc ré lên. Thầy giáo vội dìu anh ra sân, đến cạnh lu nước mưa đã gần cạn. Anh thấy rõ những con bọ muỗi (loăng quăng) dưới đáy lu . Thầy múc nước, nhúng khăn mặt đỏ của thầy vào, lau mặt mũi cho anh, và dỗ anh nín khóc.

VTH: Cuối năm, anh được lên lớp chứ?

VDN: Dĩ nhiên, anh không thuộc loại xuất sắc, nhưng cũng đủ điểm lên lớp tư. Lần này, thì học với cô giáo, vì bố cho anh đổi sang trường Monguillot, cách nhà khoảng một cây số. Cô giáo anh là vợ thầy Đốc Quýnh. Cô rất đẹp, và mặc quần áo sang trọng, môi son đỏ, vấn tóc trần. Hàng ngày, cô đi làm bằng xe kéo. Buổi sáng, trong lúc học trò chép bài, cô thường lấy trong cặp ra ổ bánh tây...

VTH: Bánh Tây ! Anh vừa dùng một chữ thời Tây còn ở nước mình nữa...

VDN: Phải rồi, lúc ấy mọi người ở miền Bắc đều gọi bánh mì là “bánh tây” hết. Vì trước khi người Pháp sang chiếm nước ta, các cụ mình có biết ăn thứ bánh này bao giờ? Em nhắc đến bánh tây, anh lại nhớ câu chuyện bố hay kể cho anh nghe hồi anh còn nhỏ. Bố nói “Một số người bán bánh mì dạo lúc ấy có thể cũng là những nhà cách mạng chống Pháp nữa. Vì khi rao hàng, họ thường rao Ai Đánh Tây Làm Vua ,nghe rất giống Ai Bánh Tây Ra Mua; mà người Pháp không có cơ bắt tội họ được.”

VTH: Xin anh kể tiếp chuyện bà Đốc Quýnh ăn bánh tây.

VDN: À, bà ấy ăn bánh mì dòn rụm với giò lụa, chả quế thơm phức, khiến anh và bọn trẻ con bên dưới nuốt nước bọt thèm thuồng.

VTH: Nhưng cô giáo có đánh đòn anh bao giờ không?

VDN: Riêng anh, thì không bị phạt lần nào. Nhưng các bạn khác, khi phạm lỗi, bị cô bắt chụm năm ngón tay lại, và cô dùng thước kẻ bọc đồng đánh vào năm đầu ngón tay...

VTH: Như thế là tra tấn, là hành hạ, chứ đâu có phải là trừng phạt? Ngay cả đến thời em học ở Hồ Ngọc Cân, gần cuối thập niên 50, vẫn còn có thầy dùng cách đó để trừng phạt học trò!

VDN: Nhưng thôi, mình nói qua chuyện khác đi. Nói trộm thầy cô mình như thế không hay gì. Nếu cô giáo anh còn sống, thì bây giờ cũng phải gần trăm tuổi rồi ! Sau đó, bố đổi về làm việc ở Hà nội. Bố thuê căn gác nhỏ ở số 192, Phố Hàng Bông, xé vườn hoa cửa Nam. Khi ấy, anh học lớp tư...

VTH: Lên Hà nội, anh vào học ở đâu?

VDN: Bố cho anh vào trường Thăng Long, trên đường Ngõ Trạm. Anh ngồi cạnh anh bạn tên là Báu. Báu hơn anh chừng vài tuổi, nhưng có vẻ khôn sớm quá. Ngồi trong lớp, nhưng Báu cứ hát nho nhỏ bài ca thời thượng của Pháp:

*O ma rose Marie,  
Les fleurs de la prairie  
Se penchent devant toi lorsque tu passes  
Comme pour s'incliner devant ta grâce!*

VTH: Tiếng Pháp, em quên gần hết rồi! Xin anh dịch mấy câu này sang tiếng Việt nhé.

VDN: Mình có thể tạm dịch là:

*Ôi, Nàng Hoa Hồng Marie của tôi!  
Những cánh hoa trên thảo nguyên  
Nghiêng mình khi em đi qua  
Dường như chiêm ngưỡng vẻ duyên dáng của em!*

VTH: Anh Báu này chưa đến mười tuổi, mà đã ướm át quá nhỉ?

VDN: Báu lãng mạn lắm, thú nhận với anh là Báu yêu cô bé Chi học cùng lớp, nhà ở 51 đường Hà Trung, gần phố Ngõ Trạm. Báu rủ anh cùng đi theo Chi khi tan trường. Nhưng anh nhút nhát, không đi với Báu.

VTH: Sau đó, anh Báu có kể lể gì thêm với anh về “chuyện tình” này không?

VDN: Không. Và anh cũng không gặp lại Báu nữa, vì sau đó, bố cho anh chuyển sang học lớp ba trường Sinh Từ.

VTH: Anh còn nhớ tên thầy cô dạy anh lớp này không?

VDN: Có. Thầy giáo Trần Văn Chấn dạy anh. Thầy nghiêm nghị, và dạy rất tận tâm. Đôi lúc, thầy cũng kể chuyện vui cho học trò nghe. Nhưng giữa niên khóa, thầy qua đời. Có lẽ, lúc ấy thầy chưa đến ba mươi tuổi. Anh vẫn nhớ, và biết ơn ông thầy mẫu mực, rất nhân hậu này.

VTH: Có phải thời đó, học xong lớp ba, là phải thi rồi không?

VDN: Đúng vậy. Anh phải thi bằng Sơ Học Yếu Lực. Lúc ấy là năm 1940. Đậu bằng này xong, anh được bố cho về Nam Định, ở với bác Lục, anh ruột của bố. Bác xin cho anh thi vào lớp nhì một, trường Jules Ferry, còn gọi là trường Cửa Bắc...

VTH: Anh vừa nói lớp nhì một. Tại sao lại có chữ “một” nữa?

VDN: Vì lúc ấy, chương trình tiểu học gồm sáu năm. Học trò phải học lớp nhì một và lớp nhì hai, rồi mới lên lớp nhất. Trường ở cách nhà khoảng một cây số, nên bố mua cho anh chiếc xe đạp. Hàng ngày, anh đạp xe đi học, cũng vui. Bác Lục dễ dãi, cởi mở, và nghệ sĩ hơn bố, nên anh được tự do, không bị kiểm chế như lúc ở với bố.

VTH: Có xe đạp rồi, anh tha hồ rong chơi?

VDN: Anh đi chơi quanh quần vậy thôi. Có lần, chú Thước, người em kết nghĩa của bố, đi Hà nội. Bác Lục bảo anh viết thư thăm bố. Anh viết xong, bác xem qua, rồi viết thêm “Cher Thọ, ton fils est très turbulent!” nghĩa là “Em Thọ, con của em nghịch ngợm lắm!” Nhưng năm ấy, anh không biết “turbulent” là gì cả. Tò mò, anh hỏi chú Thước. Chú nói đùa: “Turbulent” nghĩa là “thông minh”. Anh khoái quá, tưởng được bác khen. Đâu có ngờ bác mách bố là mình tinh nghịch!

VTH: Anh ở với bác có lâu không?

VDN: Không đầy một năm, bố lại cho anh về Hà nội. Không ngờ, anh về được ít ngày, thì bác Lục bị cảm nặng rồi qua đời. Năm ấy, bác chưa tới bốn mươi ! Bác được đưa về chôn ở cánh đồng đối diện Quán May, gần mộ cụ tri phủ Vũ Đức Khiêm, ông nội của bố.

VTH: Về Hà nội, anh học trường nào?

VDN: Anh lên lớp nhì hai, trường Sinh Từ; học với thầy Hạnh. Một hôm, chẳng biết anh phạm lỗi gì, mà thầy Hạnh dùng thước kẻ, quất anh tui bụi. Chưa hả giận, thầy còn tát anh tới tám mặt mũi. Vừa đánh, thầy vừa nhiếc “ Quel espèce!” (“ Cái giống gì vậy !”). Khi bị đòn, anh cảm thấy nhục nhiều hơn là thấy đau...

VTH: Lúc về nhà, anh có kể lại cho bố biết không?

VDN: Anh không dám. Vì lúc ấy, mình được nhờ sợ rằng phải kính trọng thầy cô như cha mẹ. Nhưng kỷ niệm đau lòng ấy, tuy đã hơn sáu mươi năm rồi, vẫn in hằn trong tâm tưởng anh!

VTH: Anh có kỷ niệm đẹp nào với trường Sinh Từ không?

VDN: Kỷ niệm đẹp, phải kể đến một ông thầy tên là Cao Duy Chính. Thầy Chính không dạy anh. Nhưng anh rất mến thầy, vì thầy dạy học sinh lớp thầy hát bài nhảy lửa, một bài ca bằng tiếng Pháp. Anh đứng xem thầy hướng dẫn học sinh lớp tư vừa hát, vừa nắm tay nhau đi tới, đi lui, nhịp nhàng quanh một vòng lửa tưởng tượng trên sân trường. Bài hát có những câu:

“Les jeunes ont mis la flamme aux bois résineux  
Ecoutez chanter l’âme qui palpète en eux  
Monte flamme légère, feu de camp si chaud si bon

.....  
Monte encore, monte donc !  
Feu de camp si chaud si bon !”

Tiếng Việt:

“Những chàng trai châm lửa bằng những củi có nhựa  
Xin lắng nghe hồn lửa reo bập bùng trong đó  
Hãy lên cao, ngọn lửa nhẹ nhàng  
Lửa trại ấm áp và tốt đẹp biết bao  
Hãy lên cao, cháy to lên nữa đi  
Lửa trại ấm áp và tốt đẹp biết bao !”

VTH: Các anh Chính, anh Anh có học cùng trường với anh không?

VDN: Có. Anh Chính học lớp tư, lớp của thầy Cao Duy Chính. Trong lớp, Chính hay bị Minh, hồn danh “Minh Mất To”, một bạn lớn hơn, bắt nạt. Chính về mách anh. Anh bèn viết “chiến thư” gửi cho Minh. Thư rằng “Minh Mất To, chiều nay tan học, có giỏi thì ra sân cỏ sau nhà Giám (tức Văn Miếu), một chọi một. Không đến là hèn. Ký tên Vũ Đức Nghiêm”

VTH: Anh Minh Mất To có nhận lời không?

VDN: Có chứ. Anh và anh Chính đến chỗ hẹn trước. Khi Minh tới, anh đưa cặp cho anh Chính cầm, rồi lao mình tới. Hai chú nhóc 10, 11 tuổi quần thảo nhau toì bời trong tiếng cổ võ của đám học trò cùng trường. Cho tới lúc Minh nắm được vạt áo dài của anh, xé “Roạt” một cái ! Cùng một lúc, có tiếng kêu “Đội Xếp! Đội Xếp!” Biết có cảnh sát tới, hai đối thủ buông nhau ra, bắt phân thắng bại. Hai anh em kéo nhau về nhà cô Khôi, em ruột của bố, nhờ cô khâu lại vạt áo dài bị rách.

VTH: Anh có nhiều kỷ niệm ở trường Sinh Từ nhỉ!

VDN: Anh còn nhớ một kỷ niệm đau đớn nữa với một thầy giáo tên là Hoàng Đạo Thúy. Ông này không dạy anh, nhưng đã tát vào mặt anh mấy cái tổi tằm mặt mũi trong lúc anh xếp hàng, chờ vào lớp. Có lẽ lúc ấy, anh đang nói chuyện hay đùa giỡn với bạn. Đã hơn sáu mươi năm, mà nghĩ lại, anh vẫn còn thấy cay đắng!

VTH: Nhưng chắc anh còn nhớ những vị thầy đáng mến khác nữa chứ?

VDN: Có, anh nhớ một vị thầy rất thương yêu học trò, và không bao giờ đánh đập học trò một cách dã man như mấy người anh đã kể. Ông này tên là thầy Thành. Thầy dạy anh lớp nhì. Thầy có hai người con trai là bạn anh. Hai anh này tên là Nguyễn Ngọc San và Nguyễn Ngọc Diệp. Lúc vào quân đội, anh San về ngành pháo binh, còn anh Diệp theo ngành Quân Y.

VTH: Lúc anh theo học ở Sinh Từ thì đang có đại chiến thứ nhì, phải không?

VDN: Phải rồi. Năm 1943, quân Nhật đang chiếm đóng Việt Nam. Máy bay Mỹ tới, dội bom quân Nhật ở Hà nội. Tại trường Sinh Từ, mỗi khi còi báo động vang lên, tất cả học sinh phải chạy ngay ra hầm trú ẩn. Một hôm, trong giờ học, máy bay Mỹ tới thả bom ở gần trường. Khi tan học, anh dẫn hai chú Chinh, chú Anh về. Trên đường Hàng Đẫy, gần nhà in Taupin, ba anh em đi ngang những thân người tan nát, ruột gan lòng thòng vướng mắc trên dây điện. Chú Anh lúc ấy mới có tám tuổi, thấy cảnh ghê rợn đó thì sợ, khóc thút thít. Anh phải an ủi, và dỗ cho em nín. Về đến gần nhà mình ở 248 Hàng Bông, cảnh tượng đổ nát chung quanh cũng tang thương không kém. Trần nhà mình bị sụp mấy chỗ. Anh em mừng rỡ, thấy bố bình an. Bố bảo các con “Trong lúc máy bay ném bom, bố cầu nguyện và đọc Thi Thiên 91, trong đó có câu “Dẫu có ngàn người sa ngã bên người, và muôn người sa ngã bên hữu người. Song tai họa sẽ chẳng đến gần người.” Nhờ đó, bố bớt sợ rất nhiều.”

VTH: Rồi anh tiếp tục đi học lại chứ?

VDN: Mấy hôm sau, ba anh em trở lại trường Sinh Từ, thì sân trường vắng tanh. Thầy Thành dạy lớp anh thấy bọn anh bước vào cúi chào, thầy nói ngay “Bonjour, mes braves enfants !” (Chào những đứa con can đảm của thầy!)

Rồi thầy bảo trường tạm thời đóng cửa. Bọn anh về nhà 248 Hàng Bông mấy ngày nữa, thì bố cho ba anh em về quê nội ở Hoàn Nha.

VTH: Ở làng mình, chắc không có trường lớp khá như Hà nội, phải không?

VDN: Phải rồi. Nên anh và anh Chinh phải xin học ở trường tiểu học Trà Bắc, cách làng mình chừng năm sáu cây số. Muốn đến trường, hai anh em phải dậy thật sớm, điểu tâm, rồi băng qua nhiều cánh đồng lúa, dù dưới trời lạnh giá mùa Đông cuối năm 1943. Đường đê nhỏ, xuyên qua ruộng, nên lầy lội lắm. Và rất trơn trượt.

VTH: Như vậy, niên khóa 1943-1944, anh còn học lớp nhất?



VDN: Đúng vậy, tháng 9 năm 1944, anh mới thi đậu vào Trường Bưởi. Tên chính thức của trường là Trung Học Bảo Hộ. Nhưng vì nằm tại làng Bưởi, gần Hồ Tây, nên mang tên là Trường Bưởi. Trong thời gian này, vẫn còn chiến tranh, nên một phần của Trường Bưởi di chuyển về Thanh Hóa. Anh thuộc về nhóm này.

VTH: Từ Nam Định, anh ra Thanh Hóa bằng phương tiện gì?

VDN: Anh cả đưa anh đi bằng xe lửa. Đây là lần đầu tiên trong đời, anh được đi xe lửa vào miền Trung, nên anh say mê ngắm nhìn phong cảnh đồi núi bao la trải dọc tuyến đường sắt. Tàu đi qua cầu Hàm Rồng, một công trình xây dựng độc đáo bắc ngang sông Mã, rồi từ từ vào ga Thanh Hoá. Anh được ở nội trú, học và ăn ngủ ngay trong Đại Chung Viện. Ban giám đốc trường, từ ông hiệu trưởng, giám học, và quản lý, đều là người Pháp.

VTH: Thưa anh, chương trình học như thế nào?

VDN: Khá kỳ cục, nếu so với chương trình sau này. Nghĩa là phải coi tiếng Pháp như sinh ngữ chính. Hán văn là sinh ngữ phụ. Tiếng Việt được xem như ngoại ngữ thứ yếu, không quan trọng bằng Hán văn!

VTH: Thế còn các giáo sư của anh?

VDN: Thầy Dương Quảng Hàm dạy Việt văn, theo tài liệu trong Việt Nam Quốc Văn Trích Diễm ; thầy Nguyễn Đức Phong dạy Hán văn và Pháp văn, cô Caillot người Pháp dạy Vạn Vật; thầy Phục dạy Sử ký và Địa lý. Giữa niên khóa, thầy Phục qua đời. Học trò khóc, tiếc thương thầy, vì thầy rất hiền lành.

VTH: Lớp anh có bao nhiêu học sinh?

VDN: Có khoảng bốn mươi người. Buổi sáng, làm vệ sinh xong, bọn anh xếp hàng đôi, đi vào phòng ăn sáng. Thức ăn chỉ là cháo loãng, ăn với chút muối và đường.

VTH: Thế còn bữa trưa?

VDN: Cũng rất thanh đạm. Ăn cơm với giá xào, hoặc rau muống xào. Bát canh nhạt nhẽo, không có thịt thà gì hết. Thỉnh thoảng, có thêm đĩa rau xào thịt bò. Nhưng thịt dai như quai guốc, rất khó ăn. Cho nên, đôi khi anh cả cho anh tiền mua bánh mì kẹp trứng chiên, một hào một khúc.

VTH: Sinh hoạt nội trú của các anh như thế nào?

VDN: Khá gắt gao. Ăn trưa xong, phải vào phòng học bài. Buổi tối cũng vậy. Lúc mình học, có giám thị ngồi gần trông chừng.

VTH: Các anh có chọc phá mấy ông giám thị không?

VDN: Dĩ nhiên là có rồi. Hình như các ông ấy cũng không ưa gì bọn anh, nên mình cũng phản ứng lại. Mỗi ông giám thị đều bị bọn anh đặt cho một biệt hiệu. Ông thì là Bình Tàu Phè, ông thì Mộng Lác, ông thì Thiết Bì, ông thì Tín Nghệ. Riêng thầy Tín Nghệ, giọng nói rất khó nghe. Một hôm, chẳng biết vì sao, anh bị thầy chỉ vào mặt “Mi lão quá!” (Mày lão quá!) và phạt cấm túc cuối tuần đó.

VTH: Anh phải làm gì trong buổi cấm túc đó?

VDN: Thì đem sách ra học, và làm bài tập. Trong lúc mình ngồi rầu rĩ, thầy Tín Nghệ có vẻ hả hê lắm. Thầy đi lên đi xuống, nện đế giấy côm cốp trong phòng.

VTH: Trong lớp, anh chơi thân với ai nhất?

VDN: Cùng ngồi một bàn với anh là Trần Nhật Bằng...

VTH: Có phải anh nhạc sĩ Nhật Bằng không?

VDN: Đúng rồi. Nhật Bằng ở nhà ngoài phố, chứ không ở nội trú như anh. Anh ấy rất thương anh, hay mua bánh kẹo cho anh ăn.

VTH: Lúc ấy, anh Nhật Bằng \* đã tỏ ra có năng khiếu âm nhạc chưa?

VDN: Rồi. Anh ấy hay hát bài “Bên Suối Vắng” của Hoàng Quý, với những câu như  
“Chiều mơ kia, bên suối vắng, anh cùng em ngồi  
Ngàn lau xanh xưa vẫn đó, em giờ đâu rồi ?

.....  
Xa vắng em bao ngày tháng anh mong chờ”

• Năm 2004, nhạc sĩ Nhật Bằng qua đời. Vũ Đức Nghiêm làm một ca khúc rất cảm động, “Tiễn Anh Vào Thiên Thu” để khóc người bạn thân thiết từ thuở niên thiếu của anh:

*Này, khi anh đi đường dương thế trọn rồi  
Hồn nhẹ nhàng bay phiêu du về cao vút đỉnh trời  
Anh còn để lại gì, một chút sự nghiệp công danh  
Thấp thoáng cuộc tình mong manh  
Tiếc nuôi những ngày vui qua nhanh  
Rồi nghẹn ngào, tôi đưa anh nghỉ yên chốn mộ phần  
Chặng đường dài, trên linh xa, cùng đi với tử thần  
Trên hành trình nhiệm mầu, anh bước dần vào thiên thu  
Quê cũ mịt mờ nương dâu  
Lạnh hư vô mờ tỏ ánh tinh cầu  
Ôi, đời phù du hữu hạn  
Mà khao khát vô cùng  
Rồi cát bụi lại trở về hư không  
Thôi còn gì nữa đâu, anh về nơi miên viễn  
Thời gian xóa mờ trong lãng quên*

*Ngày lại ngày thông vi vu, nhạc ru nghĩa địa buồn  
Trời lạnh lùng, sương rơi mau, bày đom đóm chập chờn  
Trăng lạnh ngáp đầy mồ, lau lách xước xào hơi thu  
Sương trắng là màn khăn xô đưa tiễn anh vào chốn thiên thu*

Trong lớp đệ thất này, còn có một số anh về sau rất nổi tiếng như Phan Phụng Tiên (Trước 1975, là tướng tư lệnh sư đoàn 5 Không Quân), Nguyễn Cao Quyền (Đại tá chánh thẩm Tòa án Quân Sự), Phạm Đình Chương (Nhạc sĩ, nổi tiếng nhất với bản Mộng Dưới Hoa, phổ thơ Đinh Hùng, và trường ca Hội Trùng Dương) và Nguyễn Cao Kỳ.

VTH: Anh có kỷ niệm gì đặc biệt với các anh này không?

VDN: Có những buổi tối, bọn anh đang ngồi học trong phòng, thì có báo động. Phi cơ Mỹ đến bỏ bom. Các thầy hướng dẫn bọn anh chạy vào hầm trú ẩn. Bọn anh không ý thức được sự nguy hiểm, nên vẫn cười đùa và hát cho nhau nghe. Anh Phan Phụng Tiên có giọng hát hay. Anh ấy dạy anh hát bài “Khúc Nhạc Xuân”:

*Ngồi dưới ánh trăng ngà  
Buồn lên tiếng thảm ca  
Ngàn cây đứng thờ ơ  
Càng thêm nhớ người xưa  
Chiều mơ kia bên suối vắng, anh cùng em ngồi  
Ngàn lau xanh xưa vẫn đó, em giờ đâu rồi?*

Đã gần sáu mươi năm rồi, mà bây giờ anh vẫn còn nhớ bài hát đó, và anh bạn niên thiếu Phan Phụng Tiên rất dễ thương này.

VTH: Anh học ở Thanh Hoá trong bao lâu?

VDN: Gần được một niên khoá thôi. Đêm 9 tháng 3, 1945, bọn anh đang ngủ ngon, chợt nghe nhiều tiếng súng nổ. Ai cũng nghĩ là pháo, vì ở trường mới cho nghỉ Tết. Sáng hôm sau, ngày 10 tháng 3, một số lính Nhật, súng trường cầm tay, bước vào trường. Họ bắt kéo cờ Pháp xuống, nhưng vẫn cho cờ Việt Nam tung bay trên cột cờ.

VTH: Lúc ấy cờ của mình như thế nào?

VTH: Đó là cờ Long Tinh, ở giữa màu đỏ, hai bên màu vàng. Lúc ấy, mọi người mới biết Nhật đã đảo chính Pháp, và từ nay, nước Việt Nam được độc lập. Trong tiếng reo hò tung bùng, toàn trường họp lại thảo luận, và quyết định đóng cửa trường; tất cả kéo nhau về Hà nội.

VTH: Xin anh kể lại chuyện đi về Hà nội này.

VDN: Trên quốc lộ 1, từ Thanh Hoá về Hà nội, một đoàn học sinh chừng năm sáu trăm người, nhỏ nhất khoảng 14,15 tuổi; lớn nhất mới ngoài 20, dắt díu nhau, lồi thối lếch thếch, đi bộ qua cầu Hàm Rồng, Đò Lèn, Bim Sơn, và nhiều địa danh khác, anh không

nhớ hết. Hai hôm sau, vượt qua khoảng gần tám mươi cây số, đoàn người về đến Nam Định, được quan tổng đốc Từ Bộ Thực cho vào khu vực dinh tổng đốc nghỉ đêm. Cụ đãi mỗi người một nắm cơm vắt và mấy miếng thịt ram mặn. Anh đi chung với anh cả. Sáng hôm sau, hai anh em tách ra khỏi đoàn, đi thẳng về quê nội, vì anh cả thấy anh không đủ sức vượt thêm hơn tám mươi cây số về Hà nội. Trên đường về quê, anh chứng kiến thảm cảnh đồng bào mình chết đói, nằm gục bên Tỉnh Lộ 50, con đường dẫn về quê nhà...